

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày 07/4/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Quang và ông Phạm Đông Phong.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà YHLam - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2019/TLST-DS ngày 20/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: tổ 4 (nay là tổ 5), thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1973; Địa chỉ: tổ 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2019, bà Đỗ Thị T trình bày:

Ngày 01/10/2014 bà T có cho bà Nguyễn Thị Kim V vay số tiền 104.000.000đồng và hẹn một tháng sau sẽ trả số tiền trên, nhưng đến nay bà V chưa trả cho bà T số tiền trên. Nay bà T có đơn yêu cầu Tòa án buộc bà V phải trả toàn bộ số tiền nợ vay là 104.000.000đồng.

Tại phiên tòa bà Đỗ Thị T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim V phải trả toàn bộ số tiền nợ vay là 104.000.000đồng, bà T không yêu cầu trả lãi.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: giấy CMND, sổ hộ khẩu Đỗ Thị T; bản tự khai và 01 giấy mượn tiền.

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh ngày 23/12/2019; Hợp đồng thông báo nhắn tin số 399/NT/2020/HĐTT-CNHCM ngày 27/7/2020; Báo công lý 03 số liên tiếp 061,062 và 063 năm 2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Vân không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không hòa giải được.

Tại phiên tòa ý kiến của kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 149; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim V trả cho bà Đỗ Thị T toàn bộ số tiền gốc là 104.000.000đồng.

Về án phí và lệ phí tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú: Bà Đỗ Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị T chịu lệ phí tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim V trả toàn bộ khoản nợ vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà V bỏ đi khỏi nơi cư trú nên Tòa án làm thủ tục tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú và triệu tập bà V tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà V không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án tiến hành theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận vào ngày 01/10/2014 bà Đỗ Thị T có cho bà Nguyễn Thị Kim V vay số tiền 104.000.000đồng và hẹn một tháng sau sẽ trả số tiền trên, nhưng đến nay bà V chưa trả nợ cho bà T. Nay bà T đề nghị Tòa án buộc bà V phải trả toàn bộ số tiền là 104.000.000đồng tiền nợ gốc và không yêu cầu tính lãi.

Xét về giấy mượn tiền giữa các bên là hợp đồng bằng văn bản và có thỏa thuận về số tiền vay và thời hạn trả nợ là sau 01 tháng, nhưng đến hạn bà V chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T là vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên bà T khởi kiện yêu cầu

Tòa án buộc bà V trả toàn bộ số tiền gốc theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên buộc bà Nguyễn Thị Kim V trả cho bà Đỗ Thị T toàn bộ số nợ gốc là 104.000.000đồng.

[3] Về án phí và lệ phí tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú: Bà Đỗ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị T chịu lệ phí tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú.

Bà Nguyễn Thị Kim V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 149; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim V trả cho bà Đỗ Thị T toàn bộ số tiền nợ gốc là 104.000.000đồng (một trăm lẻ bốn triệu đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí và lệ phí tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú:

Bà Đỗ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí là 2.600.000đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004480 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, Gia Lai.

Bà Đỗ Thị T chịu lệ phí tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú số tiền là 3.096.360đồng (ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng). Bà T đã nộp đủ số tiền trên.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim V phải nộp 5.200.000đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 07/4/2021. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình